

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIAO THỦY  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 9 - 2020

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Ngọc Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Thanh Giang.

Ông Nguyễn Quang Vinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 158/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ nơi cư trú: Xóm 6, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh Đinh Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 6, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: Xóm 6, thôn B, xã C, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã A được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/10/1990. Vợ chồng chị sống với nhau tại xóm 6, xã Giao Tân, huyện Giao Thủy trên đất của bố mẹ chị. Bố chị là liệt sỹ đã hy sinh, năm 1999 vợ chồng chị có xây nhà trên đất của mẹ chị. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, anh T đi làm nhưng không mang tiền về cho chị, anh T

còn thường xuyên chửi bới và đe dọa chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Xuân V, sinh ngày 08/01/2000 và Đinh Hào Q, sinh ngày 30/10/2000. Hiện nay các con đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản: Vợ chồng chị chỉ có một căn nhà xây trên đất của mẹ chị trị giá 120.000.000 đồng. Khi xây nhà anh T có đóng góp 50.000.000 đồng để xây. Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản. Nếu anh T yêu cầu thì chị sẽ thanh toán cho anh T 50.000.000 đồng.

*Tại bản tự khai và lời khai tại Tòa án, anh Đinh Văn T trình bày:*

Về việc kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống của vợ chồng và con chung anh hoàn toàn nhất trí với ý kiến trình bày của chị H. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng không thống nhất được việc dạy dỗ con cái, chị H quá chiều con không để anh dạy dỗ, vì vậy chị H đề nghị ly hôn, anh nhất trí.

Về tài sản: Năm 1999, anh và chị H xây nhà trên đất của mẹ vợ là và Trịnh Thị Bé, tổng cộng hết 400 triệu đồng. Tiền là do vợ chồng xây và vay nhưng đã trả hết cho người cho vay trong đó có vay của mẹ vợ bà Trịnh Thị R 200 triệu đồng nhưng đã trả. Năm 2018 vợ chồng có làm nhà mái bằng trị giá 200.000.000 đồng trên diện tích đất 42m<sup>2</sup> trên đất của mẹ vợ. Tổng cả 2 nhà là 90m<sup>2</sup> trị giá khoảng 600.000.000 đồng. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh giữ nguyên yêu cầu Tòa án chia tài sản của vợ chồng là 600.000.000 đồng. Anh yêu cầu chị H phải thanh toán cho anh số tiền 300.000.000 đồng, để chị H nhận tài sản.

*Về việc giải quyết yêu cầu chia tài sản của anh T:* Tòa án đã ban hành và giao Thông báo số 157 ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy yêu cầu anh Đinh Văn T nộp tạm ứng án phí trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận Thông báo (ngày 14/8/2020). Anh T đã không thực hiện nghĩa vụ nộp án phí theo quy định.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nguyên đơn, có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Đinh Văn T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Đinh Văn T kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh T không có hạnh phúc. Chị H có đơn khởi kiện ly hôn, anh T nhất trí ly hôn; chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Như vậy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được nên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H đối với anh Đinh Văn T, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về tài sản: Anh Đinh Văn T có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên anh T không nộp tạm ứng án phí theo nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị H là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn;

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Đinh Văn T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000014 ngày 21-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã Giao Tân: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Duyên**